TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 06/12/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY – TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Hà

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST–HN ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 630/2024/QĐST-HN ngày 11/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2024/QĐST- HN, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Kim H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 120A/ÔD, KV B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Phạm Văn D**,** sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 120A/ÔD, KV B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà H trình bày

Bà và ông D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Quá trình hôn nhân có thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do mối quan hệ giữa bà và cha chồng không được tốt đẹp, vợ chồng khác biệt về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông D không thương con riêng của bà nên cả hai thường cự cãi, mâu thuẫn về vấn đề này mỗi khi ông D nhậu say về nhà. Bà đã cố gắng dung hòa, hàn gắn mối quan hệ nhưng không có kết quả. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với ông D nên bà có đơn xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Không có

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Phía bị đơn – D trình bày tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn như nguyên đơn trình bày, quá trình hôn nhân vợ chồng cũng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, ông cũng thường nhậu say về và cự cãi với vợ, nhưng thời gian sau này đã thay đổi. Những mâu thuẫn khác như mâu thuẫn giữa bà H và cha của ông thì sau này ông mới được biết do ông đi làm xa, nhưng đang khắc phục bằng cách là vợ chồng sống riêng, không sống chung với cha ông nữa. Ông xác định vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: xác định không có.

Tại phiên tòa;

Bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H và ông D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình thừa nhận, tranh chấp ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đến Tòa án ghi tự khai, tham gia hòa giải, có ký nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng không đến Tòa tham dự phiên tòa. Đây là trường hợp đương sự cố tình vắng mặt, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông D căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua trình bày của các bên cho thấy hôn nhân giữa ông bà có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong quan điểm sống. Ông D xác định còn thương vợ và không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào nhằm hàn gắn mối quan hệ. Nay ông D vắng mặt, cho thấy ông không còn quan tâm đến hôn nhân với bà H, điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đặt được. Do vậy đây là cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông D.

[3] Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân - chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà Trịnh Kim H được ly hôn với ông Phạm Văn D.

2/ Về con chung: Không có

3/ Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã đóng theo Biên lai thu số 0001026 ngày 08/10/2024 thành án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND Q Bình Thủy;
- Chi cục Thi hành án Q Bình Thủy;
- Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành Tỉnh Kiên Giang
- Lưu (hs, Vp, Ltd);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐẶNG THỊ HUỆ

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND Q Bình Thủy;
- Chi cục Thi hành án Q Bình Thủy;
- Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội
- Lưu (hs, Vp, Ltd);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN

Đặng Thị Huệ